

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ LM  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST  
Ngày: 01/7/2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LM  
TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Thanh Quyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Trường

2. Bà Đặng Thị Em

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Ngọc Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Bích Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Dương Thị M, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực 5, phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

***2. Bị đơn:*** Anh Nguyễn Duy Kh, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực 2, phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

***3. Người làm chứng:***

***3.1. Ông Đặng Văn H (vắng mặt)***

Địa chỉ: khu vực 5, phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

***3.2. Ông Ngô Thanh Điền (vắng mặt)***

Địa chỉ: khu vực 5, phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

***3.3 Ông Lưu Hoàng S (vắng mặt)***

Địa chỉ: khu vực 6, phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

3.4. Ông Lê Đình Q (vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực 2, phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Dương Thị M trình bày:*

Chị Dương Thị M có cho anh Nguyễn Duy Kh vay số tiền 606.000.000 đồng. Cụ thể như sau: trước ngày 01/11/2021 (không nhớ thời gian cụ thể) chị M có cho anh Kh vay số tiền 500.000.000 đồng, các bên có làm biên nhận nợ. Đến ngày 01/11/2021, chị M tiếp tục cho anh Kh vay số tiền 106.000.000 đồng, nên vào ngày 01/11/2021, anh Kh làm biên nhận nợ thể hiện anh Kh có nhận của chị M tổng cộng 606.000.000 đồng. Đối với biên nhận nợ 500.000.000 đồng thì sau khi anh Kh lập biên nhận nợ 606.000.000 đồng chị M đã đưa lại cho anh Kh giữ, hiện tại chị M không còn giữ biên nhận nợ nào liên quan đến số tiền vay 500.000.000 đồng.

Hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng nhưng không ghi trong biên nhận nợ, khi vay ông Kh hứa vài ngày sau trả nhưng không trả. Để làm tin, ông Kh có giao cho chị M giữ 02 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05043, CS05044. Sau đó, anh Kh có hứa sau 02 tháng sẽ trả cho chị M số tiền 200.000.000 đồng thì chị M sẽ trả lại cho anh Kh bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05044, còn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05043 anh Kh sẽ làm thủ tục sang tên qua cho chị M để cản trừ nợ. Sau hai tháng (tức vào ngày 01/01/2022) anh Kh chỉ trả cho chị M số tiền 30.000.000 đồng, nên chị M không trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Kh.

Nay chị M khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Duy Kh trả lại số tiền 576.000.000 đồng (606.000.000 đồng – 30.000.000 đồng đã trả) và yêu cầu tính lãi suất trên số tiền 576.000.000 đồng theo quy định pháp luật từ ngày 01/11/2021 đến khi xét xử sơ thẩm.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Duy Kh trình bày:*

Anh Kh có vay của chị M số tiền 349.000.000 đồng. Các lần nhận nợ như sau: Tháng 02/2020 nhận 100.000.000 đồng, tháng 02/2021 nhận 129.000.000 đồng, tháng 5/2021 nhận 120.000.000 đồng. Các lần nhận tiền anh Kh đều có ký nhận trong sổ của chị M. Hai bên thỏa thuận lãi suất 9%/tháng. Anh Kh có đóng lãi cho chị M nhưng không nhớ số tiền cụ thể. Việc đóng lãi có ghi vào sổ của chị M. Đến ngày 01/11/2021, do không có tiền trả vốn và lãi nên anh Kh có ghi cho chị M biên nhận nợ số tiền 606.000.000 đồng, trong đó chỉ có 349.000.000

đồng tiền vốn, còn lại là tiền lãi. Thực tế anh Kh không có nhận của chị M số tiền 606.000.000 đồng. Việc giao dịch liên quan đến vay tiền chỉ có anh Kh và chị M biết.

Khi vay tiền của chị M, anh Kh không có thế chấp tài sản gồm 02 quyền sử dụng đất số CS05043, CS05044. Lý do chị M giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Kh là ông Lưu Hoàng S lấy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đưa lại cho chị M.

Anh Kh đồng ý trả cho chị M số tiền vốn là 349.000.000 đồng và đồng ý trả lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền 349.000.000 đồng từ tháng 5/2021 đến nay. Anh Kh thống nhất ngày 01/01/2022, đã trả lãi cho chị M số tiền 30.000.000 đồng. Anh Kh yêu cầu chị M trừ lại số tiền mà anh Kh đã trả 30.000.000 đồng vào số tiền gốc.

*Quá trình giải quyết vụ án những người làm chứng trình bày:*

Ông Đặng Văn H trình bày: Việc giao dịch tiền giữa chị M và anh Kh thì ông H không biết, chị M có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Kh hay không thì ông H cũng không biết vì ông H không có chứng kiến việc giao tiền cũng như giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa các bên.

Anh Ngô Thanh Điền trình bày: Việc giao dịch tiền giữa chị M và anh Kh thì anh Điền không biết, chị M có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Kh hay không thì anh Điền cũng không biết vì anh Điền không có chứng kiến việc giao tiền cũng như giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa các bên.

Ông Lưu Hoàng S trình bày: Việc giao dịch tiền giữa chị M và anh Kh thì ông S không biết. Ông S không có nhận hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Kh để đưa lại cho chị M. Ông S đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Anh Lê Đình Q trình bày: Việc giao dịch tiền giữa chị M và anh Kh thì anh Q không biết, chị M có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Kh hay không thì anh Q cũng không biết vì anh Q không có chứng kiến việc giao tiền cũng như giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa các bên, anh Q chỉ có nghe anh Kh nói lại sự việc. Anh Q đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nH dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Duy Kh trả cho chị Dương Thị M số tiền 576.000.000 đồng và lãi suất theo quy định từ ngày ghi biên nhận nợ đến khi xét xử sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền vay theo biên nhận nợ, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thị xã LM. Do đó, đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thị xã LM, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Duy Kh đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; những người làm chứng ông Đặng Văn H, anh Ngô Thanh Điền, ông Lưu Hoàng S, anh Lê Đình Q vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn và những người làm chứng nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về số tiền gốc: Quá trình giải quyết vụ án, để chứng minh yêu cầu khởi kiện nguyên đơn cung cấp biên nhận đề ngày 01/11/2021 thể hiện Nguyễn Duy Kh có nhận 606.000.000 đồng, chị M cho rằng biên nhận này do anh Kh tự viết và có ký tên, ghi đầy đủ họ, tên. Anh Nguyễn Duy Kh thừa nhận có ghi biên nhận ngày 01/11/2021 như chị M trình bày. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Duy Kh cho rằng chỉ nợ chị M 349.000.000 đồng tiền gốc, còn lại là tiền lãi. Để chứng minh cho lời trình bày của mình quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cung cấp bản photo các tài liệu (từ bút lục số 11-14) thể hiện anh Kh chỉ còn nợ chị M 349.000.000 đồng. Chị M thừa nhận các tài liệu do anh Kh cung cấp là do chị M viết, tuy nhiên trước đây chị M có cho anh Kh vay 349.000.000 đồng nhưng các bên đã tất toán nợ.

Bên cạnh đó, quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Duy Kh cho rằng đang lưu trữ các tài liệu, chứng cứ liên quan tin nhắn qua zalo thể hiện anh Kh có nợ chị M 349.000.000 đồng. Ngày 12/4/2022, Tòa án đã yêu cầu anh Kh cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan tin nhắn qua zalo nêu trên, anh Kh thống nhất sẽ cung cấp trong thời hạn 01 tuần kể từ ngày 12/4/2022, tuy nhiên đến thời điểm Tòa án tiến hành phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng

cứ và hòa giải và cho đến nay anh Kh vẫn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh chỉ có nợ bà M 349.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự “2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”, “4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Như vậy, ngoài tài liệu anh Kh đã giao nộp, anh Kh không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Lời trình bày này của anh Kh không được chị M thừa nhận, những người làm chứng do anh Kh yêu cầu triệu tập cũng không biết sự việc giao dịch giữa chị M và anh Kh.

Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định việc anh Nguyễn Duy Kh đã nhận nợ của chị Dương Thị M số tiền gốc 606.000.000 đồng là sự thật. Quá trình giải quyết vụ án, chị M thống nhất khấu trừ số tiền anh Kh đã trả 30.000.000 đồng vào số tiền gốc, yêu cầu này của chị M cũng phù hợp với yêu cầu của anh Kh nên được chấp nhận.

Khi vay các đương sự không xác định cụ thể thời gian trả nợ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào”. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ.

#### [2.2] Về lãi suất:

[2.2.1] Về mức lãi suất: Các đương sự không thống nhất mức lãi suất cho vay, nguyên đơn cho rằng cho bị đơn vay 3%/tháng, bị đơn thì cho rằng vay nợ của nguyên đơn 9%/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật, yêu cầu này của nguyên đơn cũng phù hợp với ý kiến trình bày của bị đơn về việc yêu cầu tính lãi lại theo quy định, do đó Hội đồng xét xử có sự điều chỉnh lại, cụ thể mức lãi suất được điều chỉnh đối với giao dịch vay giữa các bên là 10%/năm.

[2.2.2] Về thời gian tính lãi: Xét thời hạn ghi biên nhận nợ từ ngày 01/11/2021, chị M thống nhất tính lãi trên số tiền 576.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, thời gian tính lãi từ ngày 01/11/2021 đến thời điểm xét xử 01/7/2022 là 8 tháng.

[2.2.3] Do đó, số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

$$576.000.000 \text{ đồng} \times 8 \text{ tháng} \times 10\%/\text{năm} = 38.384.640 \text{ đồng}.$$

[2.3] Từ những pH tích nêu trên, có cơ sở buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 614.384.640 đồng, trong đó có 576.000.000 đồng tiền gốc và 38.384.640 đồng tiền lãi.

[3] Đối với việc chị M đang giữ bản gốc 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS05044 và CS05043 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp cùng ngày 20/10/2021 cho anh Nguyễn Duy Kh, nhận thấy, trong vụ án này các đương sự không yêu cầu giải quyết đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trên số tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự được quyền khởi kiện thành vụ án khác khi có yêu cầu liên quan đến các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên do chị M đang giữ bản gốc.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị M.

2. Buộc bị đơn anh Nguyễn Duy Kh có nghĩa vụ trả cho chị Dương Thị M số tiền 614.384.640 đồng (S trăm mười bốn triệu, ba trăm tám mươi bốn nghìn, S trăm bốn mươi đồng), trong đó có 576.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi S triệu đồng) tiền gốc và 38.384.640 đồng (Ba mươi tám triệu, ba trăm tám mươi bốn nghìn, S trăm bốn mươi đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi

suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Dương Thị M được nhận lại số tiền 14.120.000 đồng (Mười bốn triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004154 ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn anh Nguyễn Duy Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 28.575.386 đồng (Hai mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm tám mươi S đồng).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã LM;
- Chi cục THADS TX LM;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Thanh Quyền**

